TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1001/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024.
Về việc tranh hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ

2. Bà Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh* tham gia phiên tòa**: Bà Hồ Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 728/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 582/2024/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 567/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Căn hộ N1 tầng A, Chung cư P, số A đường P, Phường F, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị X hoặc ông Trần Việt Đ (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Lầu B, số C Bis đường N, phường Đ, Quận M, TP. Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 19/6/2024 tại VP Công chứng B).

Bị đơn: Bà Trương Thị Kim Th, sinh năm 1979

Địa chỉ hộ khẩu: Số D đường P, Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: C Chung cư I, số D đường P, Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, bản khai của nguyên đơn và lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Việt Đ trình bày:

Ngày 06/05/2022, bà Nguyễn Thị D có cho bà Trương Thị Kim Th vay tổng số tiền là 490.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn kinh doanh. Hai bên có lập hợp đồng vay tài sản ngày 06/05/2022 (Sau đây được viết tắt là hợp đồng), kỳ hạn được thỏa thuận là 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng công chứng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Thời hạn vay là 10 ngày. Bà D đã giao đủ số tiền vay trên cho bà Th.

Theo nội dung hợp đồng vay, bà Th cam kết đến ngày 16/05/2022 sẽ trả lại cho Bà D số tiền vay là 490.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 16/05/2022 bà Th chỉ thanh toán cho Bà D số tiền 100.000.000 đồng. Tới ngày 23/5/2022 bà Th thanh toán thêm 150.000.000 đồng. Số tiền Th chưa thanh toán còn lại là 240.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện Bà D đã khởi kiện yêu cầu bà Th trả khoản nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán. Cụ thể: Nợ gốc: 240.000.000 đồng; lãi quá hạn: 21.912.000 đồng (lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 23/5/2022 là ngày thanh toán cuối cùng 23/5/2022 đến ngày nộp đơn kiện là 11 tháng), tổng cộng: 261.912.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ kiện người đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ lãi do chậm thanh toán là 21.912.000 đồng và không yêu cầu bà Th thanh toán đối với khoản lãi do chậm thanh toán nợ gốc như yêu cầu tại đơn khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị Kim Th phải trả ngay cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ gốc: 240.000.000 đồng; rút yêu cầu trả lãi quá hạn do chậm thanh toán nợ gốc: 21.912.000 đồng, không yêu cầu bà Th phải thanh toán lãi. Sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, nếu bà Th không trả nợ thì phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bà Trương Thị Kim Th tại địa chỉ hộ khẩu: Số D đường P, Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh và tại địa chỉ nơi ở hiện nay: C Chung cư I, số D đường P, Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh, nhưng bị đơn không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn, cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày

19/8/2024 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án không tiếp tục tổ chức phiên hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể:

+ Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng;

+ Thẩm quyền giải quyết: Thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền; thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị Kim Th trả cho bà Nguyễn Thị D số nợ gốc là: 240.000.000 đồng;

- Đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi do chậm thanh toán là 21.912.000 đồng và yêu cầu không tính lãi do chậm thanh toán.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện bà Trương Thị Kim Th, yêu cầu trả khoản nợ vay theo giấy vay tiền lập ngày 06/5/2022, đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định của Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận G, TP. Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn: đã được triệu tập hợp lệ, bà Th vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ vay. Căn cứ hợp đồng vay tài sản ngày 06/5/2022, lời khai của nguyên đơn và của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp. Hợp đồng vay tài sản trên được công chứng tại Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh số công chứng 004857 quyển số 5/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/5/2022. Về hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật. Về thỏa thuận trong hợp đồng thể hiện bà Th vay Bà D số tiền 490.000.000 đồng với kỳ hạn vay 10 ngày, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không được vượt mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm thanh toán. Hợp đồng vay tiền được bà Th ký xác nhận. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, quá trình thực hiện hợp đồng đến hạn thanh toán bị đơn thanh toán 100.000.000 đồng và đến ngày 23/5/2022 thanh toán 150.000.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn đã thanh toán là 250.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền lãi. bà Th còn nợ Bà D số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng. Căn cứ hợp đồng vay tiền nêu trên, nội dung thỏa thuận về việc vay tiền, cũng như trách nhiệm trả nợ phù hợp quy định của pháp luật nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể: Theo quy định tại tại Điều 280 *"1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận";* Căn cứ Điều 463 thì đây là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về thời hạn trả nợ; Quy định tại khoản 1 Điều 466 *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…".* Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bà D. Từ những căn cứ trên, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Th trả cho Bà D khoản nợ gốc còn nợ là 240.000.000 đồng, theo hợp đồng vay nợ lập ngày 06/5/2022.

[4] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, bà Trương Thị Kim Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho Nguyễn Thị D. Do đó, bà bà Th phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc 240.000.000 đồng cho Bà D làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

5] Về tiền lãi, theo yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính là 21.912.000 đồng và không yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả trên số nợ gốc chưa thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại yêu cầu không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán. Xét thấy, nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với bị đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do phần yêu cầu khởi kiện của Bà D buộc bà Th trả nợ được chấp nhận nên bà Th phải chịu án phí là 12.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.547.800 đồng theo biên lai thu số 0013696 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 280, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc bà Trương Thị Kim Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), theo hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm số công chứng 004857 quyển số 5/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/5/2022 lập tại Văn phòng Công chứng N, TP. Hồ Chí Minh. Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thị Kim Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

- Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.547.800 đồng (Năm triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm đồng) theo biên lai thu số 0013696 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thành Huế